

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày: 04-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao;

Bà Trương Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 352/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966; địa chỉ: đường L, Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Mỹ X, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Võ Thị Mỹ X - Là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Bùi Quốc K trình bày: Vào ngày 03/10/2017, chị Võ Thị Mỹ X có vay của ông K số tiền là 126.000.000đ. Việc vay tiền hai bên có làm hợp đồng và thoả thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả là ngày 02/02/2018. Từ ngày vay đến nay chị X mới trả lãi được 12.000.000đ. Số tiền vốn và lãi còn lại đến nay chị X chưa trả cho ông K. Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị X có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 126.000.000đ và tiền lãi từ ngày 03/10/2017 cho đến ngày xét xử xong vụ án khấu trừ đi số tiền lãi đã thanh toán là 12.000.000đ, theo mức lãi suất 20%/năm tương đương 1,666%/tháng. Cụ thể tiền lãi tính là: $126.000.000đ \times 1,666\% \times 31 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 66.053.000đ$ (làm tròn) – 12.000.000đ = 54.053.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 180.053.000đ.

- Chị Võ Thị Mỹ X mặc dù được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự đúng quy định của pháp luật nhưng chị X không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quốc K.

Buộc chị Võ Thị Mỹ X có nghĩa vụ trả cho anh Bùi Quốc K số tiền vay gốc là 126.000.000đ và tiền lãi là 54.053.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 180.053.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Mỹ X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.002.000đ.

Anh Bùi Quốc K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Khánh số tiền tạm ứng án phí mà anh Khánh đã nộp là 3.150.000đ

theo biên lai số BH/2018/ 0009243 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/7/2020, chị Võ Thị Mỹ X kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Bùi Quốc K trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với chị Võ Thị Mỹ X về giải quyết vụ án, không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Chị Võ Thị Mỹ X trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể là không đồng ý trả cho ông K số tiền như quyết định của án sơ thẩm, vì chỉ vay 30.000.000đ và đã trả còn nợ 9.000.000đ , đồng thời không cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Chị X kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không biết việc ông K khởi kiện, do đó chị không gửi văn bản ý kiến, không tham gia phiên họp, phiên tòa đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ vụ án cho thấy Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ, tại phiên tòa hôm nay chị X thừa nhận gia đình của chị có nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án huyện V tổng đạt và có thông báo cho chị biết việc khởi kiện, nhưng do ở xa nên chị X không tham gia phiên tòa được. Do đó, lời trình bày của chị X việc Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt văn bản tố tụng là không có căn cứ.

Chị X cho rằng không có vay của ông K 126 triệu đồng mà chỉ vay 30 triệu đồng và đã trả 21 triệu đồng nên đồng ý trả 9 triệu đồng còn lại. Theo tờ hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 03/10/2017, khi chị X ký tên vào biên nhận thì biên nhận chưa ghi số tiền vay bằng số và chữ (còn để trống), ông K ghi số tiền 126.000.000đ là sau khi chị X ký tên vào biên nhận, do đó yêu cầu giám định. Ông K trình bày số tiền 126 triệu đồng bằng số và chữ là ghi cùng thời điểm chị X ký tên nhận tiền. Tại phiên tòa chị X và ông K đều thống nhất, nếu giám định kết luận thời gian ghi số tiền 126.000.000đ bằng số và chữ cùng thời điểm ký tên thì chị X đồng ý số tiền vay gốc của ông K là 126 triệu đồng, nếu giám định kết luận thời gian ghi số tiền 126.000.000đ bằng số và chữ sau khi chị X ký tên thì ông K thống nhất số tiền cho chị X vay là 30 triệu đồng. Tại công văn số 365 ngày 22/10/2020 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và công văn số 2976 ngày 26/11/2020 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an, thì hiện nay các cơ quan này chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời điểm viết và ký trên tài liệu, nên từ chối thực hiện giám định.

Xét thấy, Hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 03/10/2017 thể hiện chị X có vay của ông K số tiền 126.000.000đ, chị X thừa nhận chữ ký trong tờ Hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 03/10/2017 là của chị X, chị tự nguyện ký tên và không ai ép buộc. Chị X trình bày đã trả được 21.000.000đ nhưng không có chứng cứ và không được ông K thừa nhận. Chị X vay của ông K 126.000.000đ nhưng chưa trả nên ông K yêu cầu trả là có căn cứ chấp nhận. Ông K yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng và tính từ ngày vay đến ngày xét xử là 31 tháng 14 ngày số tiền 66.053.000đ, đồng thời thừa nhận chị X có trả 12 triệu đồng tiền lãi và thống nhất trừ vào số tiền lãi là phù hợp. Do đó chị X phải trả tiền lãi là 66.053.000đ trừ 12 triệu đồng còn 54.030.000đ. Tổng cộng vốn và lãi là 180.053.000đ. Chị X kháng cáo nhưng không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông K khởi kiện đối với chị X về việc yêu cầu trả tiền theo hợp đồng vay. Do đó, Tòa án huyện V thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Chị X kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ. Theo đơn kháng cáo,

chị X cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên chị không biết việc ông K khởi kiện và xét xử vụ án, vì vậy không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến và không được tham gia trong việc giải quyết vụ án làm ảnh hưởng quyền lợi của chị. Qua xem xét thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, đã thực hiện tổng đạt trực tiếp nhưng do chị X vắng mặt nơi cư trú nên giao cho cha, mẹ, anh của chị X (ông P, bà N, anh H) nhận theo quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị X thừa nhận là gia đình của chị có thông báo cho chị biết Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án hợp đồng vay tài sản do ông K khởi kiện và tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng chị X không có văn bản ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập (ông K có đơn yêu cầu không hòa giải), nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo đối với số tiền vay: Chị X trình bày là ông K không có giao cho chị số tiền 126.000.000đ mà chị chỉ có nhận số tiền vay của ông K 30.000.000đ. Theo hợp đồng kèm giấy nợ đề ngày 03/10/2017 do ông K cung cấp, chị X thừa nhận vào thời điểm này chị có thỏa thuận vay tiền của ông K và thừa nhận khi nhận tiền xong chị ký tên trong giấy nợ để chứng minh đã nhận tiền, nhưng chị cho rằng khi ký tên thì tại mục 1 thể hiện số tiền mượn chưa ghi số tiền bằng số và bằng chữ, sau đó ông K mới ghi 126.000.000đ. Ông K xác định chị X nhận số tiền 126.000.000đ, giấy nợ viết tại phòng trọ của chị X cũng thể hiện đúng số tiền đã nhận, nên chị X mới đồng ý ký tên. Vậy lời khai của 02 bên mâu thuẫn nhau, đồng thời chị X cho rằng việc lập giấy nợ thực hiện không đúng trình tự thủ tục thông thường, nhưng chị X vẫn đồng ý ký tên. Nay chị X yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết của ông K về số tiền vay 126.000.000đ (chữ số và chữ viết) so với chữ viết, ký tại phần viết nội dung đã nhận tiền, viết họ tên và ký tên để xác định viết cùng thời điểm hay không. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị X và ông K cùng cam kết như sau: Nếu kết quả giám định xác định chữ viết của ông K và chữ viết của chị X được viết cùng thời điểm thì chị X đồng ý số tiền vốn vay là 126.000.000đ, ngược lại thời điểm viết 02 nội dung nói trên khác nhau thì ông K thống nhất trình bày của chị X về số tiền vay là 30.000.000đ. Theo văn bản ý kiến của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp (Công văn số 365/KTHS ngày 22/10/2020) và Viện khoa học Hình sự của Bộ Công an (Công văn số 2976/C09-P5 ngày 26/11/2020) đã từ chối thực hiện giám định,

lý do 02 tổ chức giám định này chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời điểm viết và ký trên tài liệu. Nay chị X thừa nhận không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh chỉ nhận của ông K số tiền vay là 30.000.000đ, trong khi đó chị viết đã nhận tiền và ký tên, ghi họ tên thể hiện ý chí đã nhận đủ tiền, nên phải thực hiện nghĩa vụ của người vay.

Đối với tiền lãi: Theo đơn kháng cáo của chị X trình bày đã trả cho ông K 21.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị X chỉ đồng ý trả 9.000.000đ và lãi theo quy định, nhưng chị X thừa nhận không có biên nhận hoặc tài liệu chứng cứ để chứng minh ông K nhận 21.000.000đ. Ông K khai có nhận tiền lãi là 12.000.000đ, nhưng không nhớ thời gian trả, số tiền mỗi lần nhận, yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm và khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận theo quy định. Cụ thể như sau:

Tiền lãi: $126.000.000đ \times 1,666\% \times 31 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 66.053.000đ$.

Khấu trừ tiền lãi đã nhận: $66.053.000đ - 12.000.000đ = 54.053.000đ$.

Tiền lãi phải trả tiếp: 54.053.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp lực.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị X kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Mỹ X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Quốc K.

Buộc chị Võ Thị Mỹ X trả cho ông Bùi Quốc K số tiền là 180.053.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Chị Võ Thị Mỹ X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.002.000đ.

Chị Võ Thị Mỹ X phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0005858 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Bùi Quốc K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp là 3.150.000đ theo biên lai số 0009243 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng